

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy xử lý rác thải tại thung Đám Gai, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Xây dựng 18/6/2014; Luật quy hoạch đô thị 17/6/2009;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ các Văn bản của Bộ Xây dựng: Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 về việc quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù; Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 về việc ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng”;

Theo các Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định số 2482/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy xử lý rác thải tại thung Đám Gai, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm; Văn bản số 3146/UBND-GTXD ngày 29/10/2018 về việc chấp thuận vị trí xây dựng lò đốt rác và lập Quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy xử lý rác thải tại thung Đám Gai, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm;

Xét đề nghị của Công ty cổ phần môi trường Thanh Thủy (tại Tờ trình số 80/2019/TTr-TT ngày 10/10/2019) và đề nghị của Sở Xây dựng (tại Báo cáo kết quả thẩm định số 1867/SXD-QHKT ngày 08/10/2019).

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy xử lý rác thải tại thung Đám Gai, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy xử lý rác thải tại thung Đám Gai, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm.

2. Đơn vị lập quy hoạch: Công ty cổ phần môi trường Thanh Thủy.

3. Tính chất, quy mô và phạm vi nghiên cứu:

3.1. Tính chất:

Là khu liên hợp xử lý chất thải rắn của tỉnh, sử dụng phương pháp xử lý tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường.

3.2. Quy mô:

- Quy mô diện tích ranh giới nghiên cứu lập quy hoạch: **123.860,0m²**.
- Quy mô công suất:
 - + Xử lý chất thải rắn sinh hoạt: 300 tấn/ngđ.
 - + Xử lý chất thải rắn công nghiệp và nguy hại: 70 - 100 tấn/ngđ.

3.3. Vị trí ranh giới nghiên cứu quy hoạch:

Tại khu vực thung Đám Gai, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm. Có vị trí cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp núi đá và Trạm nghiền đá của Công ty xi măng Vissai;
- Phía Nam giáp mỏ đá;
- Phía Đông giáp lưu không đường ĐT494C và núi đá
- Phía Tây giáp núi đá.

4. Quy hoạch sử dụng đất và kiến trúc cảnh quan:

4.2. Quy hoạch sử dụng đất:

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất khu điều hành	1.965	1,59
2	Đất khu xử lý, tái chế chất thải	32.685	26,39
3	Đất khu chôn lấp chất thải và tro xỉ	21.561	17,41
4	Đất cây xanh	46.401	37,46
	- Cây xanh cách ly	31.461	
	- Cây xanh cảnh quan	14.940	
5	Đất hạ tầng kỹ thuật	3.035	2,45
6	Đất giao thông, bãi đỗ xe	18.213	14,70
	Tổng	123.860	100,00

4.2. Quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan:

- Khu điều hành bao gồm:
 - + Công trình nhà làm việc, nhà xe được bố trí phía Bắc của khu quy hoạch.
 - + Công trình nhà ăn ca, nhà nghỉ công nhân, nhà vệ sinh được bố trí phía Đông Bắc của khu quy hoạch, gần khu vực cổng chính.
- Khu xử lý rác thải công nghiệp và y tế bố trí liền kề khu xử lý rác thải sinh hoạt hiện có về phía Bắc.
- Khu xử lý rác thải sinh hoạt hiện tại sẽ được đầu tư thêm 1 hệ thống lò đốt cùng nhà xưởng để nâng công suất đáp ứng nhu cầu xử lý khoảng 300 tấn/ngày đêm.

- Khu bể đóng kén bố trí tiếp giáp phía Nam khu xử lý rác thải sinh hoạt giai đoạn I.

- Các công trình nhà xưởng, nhà kho bố trí tại các khu đất có diện tích đủ lớn để tổ chức các nhà xưởng một cách liên hoàn, thuận tiện cho người lao động.

- Bố trí hệ thống cây xanh bao quanh khu đất quy hoạch nhằm tạo hành lang cách ly với khu vực xung quanh, các hố chôn lấp tro xỉ trồng cây xanh phủ lên tạo bóng mát và cảnh quan cho nhà máy.

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

5.1. Quy hoạch giao thông:

Mạng lưới đường giao thông trong dự án bố trí dạng ô bàn cờ, kết nối với đường ĐT494C tại 3 điểm đầu nối. Cụ thể các tuyến đường chính như sau:

- Mặt cắt 1 – 1 rộng 17m: Hè (3mx2) + Mặt (12m).

- Mặt cắt 2 – 2 rộng 11,5m: Hè (2mx2) + Mặt (7,5m).

- Mặt cắt 3 – 3 rộng 12,5m: Hè (2m+3m) + Mặt (7,5m).

- Mặt cắt A – A rộng 17m: Mặt (7,5mx2) + GPC(2m).

- Mặt cắt B – B rộng 16,5m: Hè (3mx2) + Mặt (10,5m).

5.2. Quy hoạch san nền:

- Cao độ nền nhà máy được quy hoạch trên cơ sở cao độ nền hiện trạng có hướng dốc từ Tây – Đông (*Từ phía núi ra đường ĐT494C*).

- Cao độ san nền: từ 38,5m – 39,3m

5.3. Quy hoạch cấp nước:

- Nguồn nước:

+ Nước sinh hoạt: Dùng nước mưa của đơn vị cung cấp bên ngoài thông qua các xe bồn vận chuyển và được chứa trong khu vực bể chứa rồi bơm đi các khu vực của nhà máy.

+ Nước sản xuất: Sử dụng nước tuần hoàn sau xử lý bơm từ hồ Điều hòa.

- Mạng lưới đường ống cấp nước trong dự án sử dụng ống HDPE DN110, DN40 đi theo các tuyến đường nội bộ.

- Trục cứu hỏa bố trí trên các tuyến HDPE DN110 với khoảng cách khoảng 150m/1 điểm.

5.4. Quy hoạch thoát nước:

Xây dựng hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng biệt.

a) *Thoát nước mưa:*

- Hướng thoát nước: Nước mưa trong dự án được thu gom bằng hệ thống cống và xả ra bên ngoài dự án thông qua cửa xả ở phía Bắc.

- Hệ thống thu gom nước mưa trong dự án sử dụng cống xây B300 đi theo các tuyến đường nội bộ, các vị trí qua đường sử dụng cống tròn D400, D600, cửa xả sử dụng cống tròn D800.

b) Thoát nước thải:

- Hướng thoát nước: Nước thải trong dự án được thu gom bằng hệ thống cống và thoát về khu XLNT tập trung. Trong đó:

+ Nước thải sinh hoạt và nước rỉ rác từ rác thải sinh hoạt được thu gom và xử lý tại Trạm xử lý hiện trạng.

+ Nước rỉ rác từ rác thải công nghiệp, rác thải nguy hại được thu gom và xử lý tại Trạm xử lý xây mới giáp khu xử lý chất thải nguy hại.

- Hệ thống thu gom nước thải trong dự án sử dụng cống D200, D250 đi ngầm dọc theo các tuyến đường nội bộ.

- Nước thải sau khi xử lý của 2 trạm đạt quy chuẩn quốc gia về môi trường QCVN 40: 2011/BTNMT và đổ chảy ra hồ điều hòa sẽ được dùng để bơm hoàn lưu vào bể xử lý khí của lò đốt, xử lý khói, tiết kiệm nước và không xả thải ra môi trường.

5.5. Quy hoạch cấp điện:

- Nguồn điện: Đầu nối từ đường dây điện trung thế 35kV (*đi qua khu vực*) đến khu vực trạm biến áp của nhà máy.

- Trạm điện: 01 trạm biến áp, có công suất lần lượt là 560kVA.

- Mạng lưới cấp điện chiếu sáng, điện, điện sản xuất và điện sinh hoạt trong nhà máy được bố trí đi ngầm từ Trạm biến áp để cấp đến các phụ tải.

5.6. Đánh giá môi trường chiến lược:

a) Các tác động và dự báo ảnh hưởng đến khu vực

Trong quá trình hoạt động: hệ thống khí thải, khói bụi và nước thải (*nếu khu vực xử lý xảy ra sự cố*) sẽ tác động đến môi trường không khí, môi trường nước tại khu vực.

b) Các giải pháp quy hoạch, giảm thiểu và quản lý tác động môi trường:

- Tổ chức trồng cây xanh cách ly xung quanh ranh giới các nhà máy và xen kẽ với việc bố trí các hạng mục công trình của nhà máy để giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường của bụi, khí thải.

- Nước thải tại dự án phải được thu gom và xử lý triệt để tại Trạm XLNT của nhà máy. Trong quá trình hoạt động phải có các biện pháp đề phòng và xử lý sự cố xảy ra để không ảnh hưởng đến môi trường.

- Thực hiện chương trình giám sát chất lượng nước mặt tại các hồ thu nước mưa, hồ chứa nước sau xử lý và giám sát chất lượng nước ngầm của khu vực dự án; giám sát chất lượng không khí tại khu vực các bãi chôn lấp.

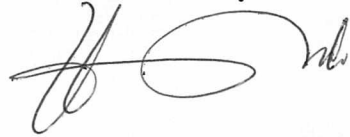
6. Các nội dung khác: đồng ý nội dung kiến nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo kết quả thẩm định số 1867/SXD-QHKT ngày 08/10/2019.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ngành: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Công Thương, Giao thông Vận tải; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thanh Liêm; Công ty cổ phần môi trường Thanh Thủy và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ~~TH~~

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - Các PCT UBND tỉnh;
 - Như Điều 2(10);
 - VPUB: LĐVP(3), GTXD, TN, TH;
 - Lưu VT, GTXD.
- DH. - D:\1\QĐ\3\QH\2019\09.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trương Minh Hiến